TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8-T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2025
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 -T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tr.

2. Ông Nguyễn Văn B.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn C – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 8- T.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - T xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 53/2025/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Tuyết L, sinh năm 1988; địa chỉ: Số F, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Nay là số F, ấp Đ, phường C, tỉnh Đ

Bị đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1989; địa chỉ: Đường N, khu phố E, Phường A, thị xã K, tỉnh L. Nay là đường N, khu phố E, phường K, tỉnh T.

Bà L vắng mặt có đơn vắng mặt;

Ông T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời trình bày trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết L trình bày:

Năm 2021, bà Phạm Thị Tuyết L và ông Phạm Ngọc T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã K, tỉnh L. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn về nhiều mặt, thường xuyên bất đồng quan điểm. Nguyên nhân là ông T sống gia trưởng, không quan tâm bà L, thường xuyên nhậu nhẹt say sĩn, tiền bạc làm ra tự giữ, tự xài không đưa bà L. Mâu thuẫn xảy ra thời gian dài, hai bên không giải quyết được. Bà L xét thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không còn tình cảm với nhau nên bà L yêu cầu được ly hôn.

Về con chung, không có.

Về tài sản chung, không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bà L trình bày việc ông T không đồng ý tham gia tố tụng. Bà L có đơn xin không tiến hành hòa giải và có đơn xin giải quyết vắng mặt do nhà xa đi lại khó khăn. Bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà L đồng ý công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án, không có thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*:* Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là *"*ly hôn*"*. Ông Phạm Ngọc T cư trú tại đường N, khu phố E, Phường A, thị xã K, tỉnh L (địa chỉ cũ). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8- T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt bà Phạm Thị Tuyết L, ông Phạm Ngọc T: Bà Phạm Thị Tuyết L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, ông T vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà L, ông T.

[3]. Về hôn nhân: Ngày 01/6/2021, bà Phạm Thị Tuyết L và ông Phạm Ngọc T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã K, tỉnh L nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết L:

[4.1]. Về yêu cầu ly hôn: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông Phạm Ngọc T không đến Tòa án mà không có lý do, thể hiện ý chí ông T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Bà Phạm Thị Tuyết L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm, cãi vã dẫn đến mâu thuẫn. Mâu thuẫn xảy ra thời gian dài, hai bên không giải quyết được. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa bà L và ông T là có thật và trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T.

[4.2]. Về con chung: Bà Phạm Thị Tuyết L xác định không có con chung, không có yêu cầu giải quyết. Ông Phạm Ngọc T không có ý kiến. Do đó, Tòa án không xem xét.

[4.3]. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Tuyết L trình bày không có yêu cầu giải quyết, ông T không có ý kiến nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến bà L về việc không có yêu cầu giải quyết tài sản chung.

[4.4]. Về nợ chung: Bà Phạm Thị Tuyết L trình bày không có, ông T không có ý kiến, cũng không có ai yêu cầu về nợ chung nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến bà L về việc không có nợ chung.

[5]. Về án phí: Bà Phạm Thị Tuyết L phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Tuyết L đối với ông Phạm Ngọc T .

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Tuyết L được ly hôn với ông Phạm Ngọc T .

2. Về con chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Phạm Thị Tuyết L về việc không có yêu cầu giải quyết tài sản chung.

4. Về nợ chung: Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Phạm Thị Tuyết L về việc không có nợ chung.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị Tuyết L phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số 0002894 ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8- T) sang thi hành án phí, bà L đã nộp đủ án phí.

6. Bà Phạm Thị Tuyết L, ông Phạm Ngọc T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND khu vực 8- T;
- Phòng.THADS khu vực 8- T;
- UBND phường K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L1